

ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ 2
MÔN GDKT&PL – LỚP 10

I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	Nội dung	Trắc nghiệm		Tự luận
		Nhận biết	Thông hiểu	
1	Khái niệm, đặc điểm và vai trò của pháp luật	2	1	1*
2	Hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam	2	1	
3	Thực hiện pháp luật	2	2	
4	Giới thiệu về Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam	2	2	1**
5	Nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt nam	2	2	
6	Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp	3	2	
7	Nội dung cơ bản của Hiến pháp về kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường	3	2	
Tổng cộng		16	12	2

II. NỘI DUNG KIẾN THỨC

CHỦ ĐỀ 7

BÀI 11: Khái niệm, đặc điểm và vai trò của pháp luật

1. Khái niệm và các đặc điểm của pháp luật

a. Khái niệm pháp luật: là hệ thống các quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung, do Nhà nước ban hành và được bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước.

- Nội dung pháp luật là những chuẩn mực về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Nhà nước, của cá nhân và các tổ chức như: được làm những gì, được hưởng những lợi ích nào, phải làm gì, không được làm gì, phải chịu trách nhiệm và hình thức xử lý như thế nào khi vi phạm quy tắc chung.

- Chỉ Nhà nước mới có thẩm quyền ban hành pháp luật và bảo đảm thực hiện pháp luật trong đời sống xã hội. Pháp luật được Nhà nước bảo đảm thi hành bằng quyền lực nhà nước. Trường hợp vi phạm pháp luật, Nhà nước sẽ áp dụng các biện pháp cưỡng chế cần thiết để bảo đảm pháp luật được thực hiện nghiêm minh, bảo vệ lợi ích của công dân và xã hội.

b. Đặc điểm của pháp luật

- Tính quy phạm phổ biến:
 - + Pháp luật là khuôn mẫu, là quy tắc xử sự chung cho mọi người, được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi.
 - + Bất kì ai ở trong điều kiện, hoàn cảnh nhất định đều phải xử sự theo khuôn mẫu pháp luật quy định.
 - + Tính quy phạm phổ biến là đặc điểm để phân biệt pháp luật với các quy phạm xã hội khác.

- Tính quyền lực, bắt buộc chung:
- + Quy phạm pháp luật do Nhà nước (cơ quan nhà nước có thẩm quyền) ban hành.
- + Mọi cá nhân, tổ chức đều bắt buộc phải thực hiện theo khuôn mẫu chung mà Nhà nước quy định.

- + Nhà nước bảo đảm thực hiện pháp luật bằng quyền lực nhà nước (xử phạt, cưỡng chế đối với người có hành vi vi phạm/không thực hiện hoặc thực hiện không đúng).

Tính quyền lực, bắt buộc chung nhằm ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật, bảo đảm các quy định pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh đối với mọi cá nhân, tổ chức dưới sự quản lý của Nhà nước.

- Tính xác định chặt chẽ về hình thức của pháp luật:
- + Pháp luật phải được thể hiện bằng văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước ban hành.

- + Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải tuân theo trình tự, thủ tục hình thức pháp luật quy định. Chỉ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền do Hiến pháp và luật quy định mới được ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- + Ngôn ngữ rõ ràng, chính xác, chỉ mang một nghĩa nhất định.

- + Tất cả các văn bản quy phạm pháp luật đều phải phù hợp, không được trái với hiến pháp. Văn bản QPPL do cấp dưới ban hành không được trái với nội dung văn bản do cấp trên ban hành.(đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật)

2. Vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội

a. Pháp luật là phương tiện để Nhà nước quản lý xã hội

- Pháp luật điều chỉnh, định hướng các quan hệ xã hội theo khuôn mẫu chung thống nhất, tạo nên trật tự xã hội ổn định, đảm bảo sự phát triển bền vững của xã hội.

- Pháp luật là phương tiện để Nhà nước kiểm tra, kiểm soát hoạt động của các cá nhân, tổ chức trong phạm vi lãnh thổ của mình.

- Pháp luật tạo cơ sở pháp lý để nhà nước phát huy quyền lực, sức mạnh trong quản lý nhà nước nhằm đảm bảo dân chủ, công bằng, bình đẳng và tiến bộ xã hội

b. Pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

- Pháp luật xác lập, ghi nhận các quyền của công dân trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội.

- Tạo cơ sở pháp lý để công dân thực hiện quyền và yêu cầu nhà nước bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bản thân.

- Tạo cơ sở pháp lý để giải quyết các tranh chấp, khiếu nại và xử lý các hành vi xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

BÀI 12: Hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam

1. Hệ thống pháp luật Việt Nam: là tổng thể các quy phạm pháp luật, các nguyên tắc, định hướng pháp luật có mối liên hệ mật thiết và thống nhất với nhau, được sắp xếp thành các ngành luật, các chế định pháp luật và được thể hiện trong các văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo hình thức, thủ tục nhất định để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Văn bản pháp luật Việt Nam

a. Văn bản quy phạm pháp luật

- Khái niệm: là các văn bản chứa đựng các quy phạm pháp luật, được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục pháp luật quy định trong Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Đặc điểm:

- + Có chứa quy phạm pháp luật.

- + Do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.
- + Hình thức, trình tự, thủ tục ban hành do luật quy định.
- Văn bản quy phạm pháp luật gồm văn bản luật và văn bản dưới luật.
- + Văn bản luật: Là văn bản do Quốc hội ban hành gồm Hiến pháp, bộ luật, luật, nghị quyết.
- + Văn bản dưới luật: pháp lệnh, nghị quyết, nghị quyết liên tịch, lệnh, quyết định, nghị định, thông tư, thông tư liên tịch.

b. Văn bản áp dụng pháp luật

- Là văn bản chứa đựng các quy tắc xử sự cá biệt, mang tính quyền lực nhà nước, do cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền hoặc cá nhân, tổ chức xã hội được Nhà nước trao quyền ban hành theo trình tự, thủ tục luật định trên cơ sở áp dụng các quy phạm pháp luật đối với những quan hệ cụ thể, cá biệt nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ cụ thể của cá nhân, tổ chức nhất định hoặc xác định trách nhiệm pháp lý đối với chủ thể vi phạm pháp luật.
- Văn bản áp dụng pháp luật là văn bản có nội dung cụ thể đối với cá nhân, tổ chức xác định, được thực hiện một lần trong thực tiễn.

BÀI 13: Thực hiện pháp luật

1. Khái niệm thực hiện pháp luật

- Thực hiện pháp luật là quá trình hoạt động có mục đích, làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Các hình thức thực hiện pháp luật

a. Tuân thủ pháp luật:

Các cá nhân, tổ chức kiềm chế không thực hiện các hành vi pháp luật cấm.

b. Thi hành pháp luật:

Các cá nhân, tổ chức thực hiện đầy đủ những nghĩa vụ, chủ động làm những gì mà pháp luật quy định phải làm.

c. Sử dụng pháp luật:

Các cá nhân, tổ chức thực hiện các quyền và tự do pháp lý của mình theo quy định của pháp luật (làm những gì mà pháp luật cho phép làm).

d. Áp dụng pháp luật:

Các cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào pháp luật để ra các quyết định làm phát sinh, chấm dứt hoặc thay đổi việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ cụ thể của cá nhân, tổ chức.

- Áp dụng PL quyền lực nhà nước

- Áp dụng PL được tiến hành theo trình tự, thủ tục do PL quy định

- Áp dụng PL theo nguyên tắc cá biệt hóa các quy phạm PL đối với từng trường hợp cụ thể.

CHỦ ĐỀ 8

BÀI 14: Giới thiệu về Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam

1. Khái niệm và vị trí của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam

- Hiến pháp là hệ thống các quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao nhất, quy định những vấn đề cơ bản nhất về chủ quyền quốc gia, chế độ chính trị, chính sách kinh tế, văn hóa, xã hội, tổ chức quyền lực nhà nước, địa vị pháp lý của con người và công dân.

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là luật cơ bản, có hiệu lực pháp lý cao nhất, do Quốc hội ban hành để quy định những vấn đề quan trọng của đất nước.

2. Đặc điểm cơ bản của Hiến pháp Việt Nam

- HP là đạo luật cơ bản, là cơ sở để xây dựng và ban hành tất cả các văn bản quy phạm pháp luật khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

- HP có hiệu lực pháp lý lâu dài, tương đối ổn định.

- HP có quy trình làm, sửa đổi đặc biệt được quy định tại Hiến pháp.

BÀI 15: Nội dung cơ bản của Hiến pháp về chế độ chính trị

1. Nội dung của Hiến pháp năm 2013 về hình thức chính thể và chủ quyền, lãnh thổ của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam

Hiến pháp năm 2013 khẳng định Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là một nước độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời. Tổ quốc Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Mọi hành vi chống lại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, chống lại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều bị nghiêm trị

2. Nội dung của Hiến pháp năm 2013 về bản chất nhà nước và tổ chức quyền lực chính trị Việt Nam

- Bản chất của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

- Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

- Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị được tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

- Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Nhà nước Việt Nam là trụ cột của hệ thống chính trị, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật.

- Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội là bộ phận của hệ thống chính trị, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp nhân dân đồng thời tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

3. Nội dung của Hiến pháp 2013 về đường lối đối ngoại, Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca, Quốc khánh và thủ đô nước Cộng hòa XHCN Việt Nam

a. Quy định về đường lối đối ngoại (Điều 12 HP 2023)

Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập, hợp tác quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi; tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa XHCN là thành viên; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế vì lợi ích quốc gia, dân tộc, góp phần vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới

b. Quy định về Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca, Quốc khánh và Thủ đô nước Cộng hòa XHCN Việt Nam

Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca, Quốc khánh, Thủ đô là những nội dung quan trọng gắn liền với thể chế chính trị của quốc gia. (Quy định tại Điều 13, HP 2013)

BÀI 16: Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp

1. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp 2013 về quyền con người

- Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội (Điều 16);

- Quyền sống (Điều 19);

- Quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm; quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người và hiến xác theo quy định của luật (Điều 20);

- Quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình; Mọi người có quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các

hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác (Điều 21)

2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp năm 2013 về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

a. Các quyền về chính trị, dân sự

- Quyền có nơi ở hợp pháp (Điều 22);
- Quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, có quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước theo luật định (Điều 23)
- Quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội biểu tình theo luật định (Điều 25);
- Quyền bầu cử khi đủ 18 tuổi trở lên và quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân khi đủ 21 tuổi trở lên (Điều 27);
- Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước (Điều 28);
- Quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân khi đủ 18 tuổi trở lên (Điều 29),...

b. Các quyền về kinh tế, văn hóa, xã hội

- Quyền bình đẳng về kinh tế, văn hóa, xã hội (Điều 26);
- Quyền được bảo đảm an sinh xã hội (Điều 34);
- Quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc (Điều 35);
- Quyền học tập (Điều 39);
- Quyền xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp (Điều 42)

c. Nghĩa vụ cơ bản của công dân

- Nghĩa vụ học tập (Điều 39);
- Nghĩa vụ bảo vệ môi trường (Điều 43);
- Nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc (Điều 44);
- Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân (Điều 45);
- Nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật, tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng (Điều 46);
- Nghĩa vụ nộp thuế theo luật định (Điều 47).

BÀI 17: Nội dung cơ bản của Hiến pháp về kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường

1. Nội dung của Hiến pháp 2013 về kinh tế

- Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng XHCN với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật, bình đẳng trước pháp luật, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh (điều 51).

- Đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước là đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý (điều 53). Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật (điều 54.).

- Ngân sách nhà nước, dự trữ quốc gia, quỹ tài chính nhà nước và các nguồn tài chính công khác do Nhà nước thống nhất quản lý và phải được sử dụng hiệu quả, công bằng, công khai, minh bạch, đúng pháp luật (điều 55.)

2. Nội dung của Hiến pháp 2013 về văn hóa, xã hội

Hiến pháp quy định vai trò, trách nhiệm của nhà nước và xã hội đối với các lĩnh vực văn hóa, xã hội:

- Nhà nước khuyến khích tạo việc làm cho người lao động, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, người SDLĐ và tạo điều kiện xây dựng quan hệ lao động tiến bộ, hài hòa và ổn định (điều 57);
- Chăm lo, phát triển sức khỏe của nhân dân (điều 58);
- Tạo bình đẳng về cơ hội để công dân thụ hưởng phúc lợi xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội (điều 59);
- Chăm lo xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại (điều 60),...

3. Nội dung của Hiến pháp 2013 về giáo dục

Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Nhà nước ưu tiên đầu tư và thu hút các nguồn đầu tư cho giáo dục; Chăm lo phát triển ở các cấp học, thực hiện phổ cập ở các cấp học, thực hiện phổ cập giáo dục và các chính sách về học bổng, học phí hợp lý, ưu tiên phát triển giáo dục ở các vùng khó khăn, tạo điều kiện để các nhóm yếu thế được tiếp cận với giáo dục. (Điều 61)

4. Nội dung của Hiến pháp năm 2013 về khoa học và công nghệ

Phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Nhà nước ưu tiên đầu tư và khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng có hiệu quả thành tựu khoa học và công nghệ; bảo đảm quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Nhà nước tạo điều kiện để mọi người tham gia và được hưởng thụ lợi ích từ các hoạt động khoa học và công nghệ. (Điều 62)

5. Nội dung của Hiến pháp năm 2013 về môi trường

Nhà nước có chính sách bảo vệ môi trường; quản lý, sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; chủ động phòng ngừa, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, nhà nước khuyến khích mọi hoạt động bảo vệ môi trường, phát triển sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo. Tổ chức cá nhân gây ô nhiễm môi trường, làm suy kiệt tài nguyên thiên nhiên và suy giảm đa dạng sinh học phải bị xử lý nghiêm và có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại. (Điều 63)

III. ĐỀ MINH HOA

I. TRẮC NGHIỆM (28 câu = 7 điểm)

Câu 1: Những quy tắc xử sự chung được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi đối với tất cả mọi người là thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

- A. Tính chặt chẽ về hình thức.
- B. Tính kỉ luật nghiêm minh.
- C. Tính quy phạm phổ biến.
- D. Tính quyền lực, bắt buộc chung.

Câu 2: Tất cả các văn bản quy phạm pháp luật phải phù hợp, không được trái với Hiến pháp là đặc điểm nào sau đây của pháp luật?

- A. Tính quyền lực bắt buộc chung.
- B. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.
- C. Tính quy phạm phổ biến.
- D. Tính cưỡng chế.

Câu 3: Tổng thể các quy phạm pháp luật có mối liên hệ mật thiết và thống nhất với nhau được sắp xếp thành các ngành luật, chế định pháp luật được gọi là

- A. hệ thống pháp luật.
- B. hệ thống tư pháp.
- C. quy phạm pháp luật.
- D. văn bản dưới luật.

Câu 4: Nội dung nào dưới đây là một trong những yếu tố cấu thành cấu trúc bên trong của hệ thống pháp luật Việt Nam?

- A. Ngành luật.
- B. Pháp lệnh.
- C. Nghị định.
- D. Quyết định.

Câu 5: Hình thức thực hiện pháp luật nào dưới đây có sự tham gia của cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền?

- A. Sử dụng pháp luật.
- B. Tuân thủ pháp luật.
- C. Áp dụng pháp luật.
- D. Thi hành pháp luật.

Câu 6: Các cá nhân, tổ chức thực hiện các quyền và tự do pháp lí của mình theo quy định của pháp luật là thể hiện hình thức thực hiện pháp luật nào dưới đây?

- A. Sử dụng pháp luật.
- B. Thi hành pháp luật.
- C. Tuân thủ pháp luật.
- D. Áp dụng pháp luật.

Câu 7: Hệ thống các quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lí cao nhất quy định những vấn đề cơ bản nhất về chủ quyền quốc gia, chế độ chính trị, chính sách kinh tế, văn hoá, xã hội, tổ chức quyền lực nhà nước, địa vị pháp lí của con người và công dân là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

- A. Hiến pháp.
- B. Luật hành chính.
- C. Luật lao động.
- D. Luật hình sự.

Câu 8: Văn bản pháp luật nào dưới đây là Luật cơ bản của nhà nước?

- A. Hiến pháp.
- B. Luật nhà nước.
- C. Luật tổ chức Quốc hội.
- D. Luật tổ chức Hội đồng nhân dân.

Câu 9: Hiến pháp 2013 khẳng định chính thể Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là

- A. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa.
- B. Dân chủ cộng hòa.
- C. Cộng hòa và phong kiến.
- D. Dân chủ và tập trung.

Câu 10: Hiến pháp 2013 khẳng định nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một nước

- A. có quyền xâm lược.
- B. có chủ quyền.
- C. có quyền áp đặt.
- D. có phụ thuộc.

Câu 11: Theo quy định của Hiến pháp 2013, mọi công dân đều

- A. bình đẳng trước pháp luật.
- B. được cấp vốn kinh doanh.
- C. được nhận vào làm việc.
- D. miễn trừ trách nhiệm pháp lý.

Câu 12: Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa xã hội là nội dung cơ bản của Hiến pháp 2013 về

- A. quyền con người.
- B. nghĩa vụ công dân.
- C. trách nhiệm pháp lý.
- D. chế độ chính trị.

Câu 13: Theo quy định của Hiến pháp 2013, một trong những quyền cơ bản của công dân trên lĩnh vực chính trị là quyền

- A. tự do báo chí.
- B. lựa chọn nghề nghiệp.
- C. bí mật thư tín.
- D. cư trú hợp pháp.

Câu 14: Về mặt kinh tế, Hiến pháp 2013 khẳng định, Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xây dựng nền kinh tế

- A. phụ thuộc vào thế giới.
- B. độc lập, tự chủ.
- C. tách biệt với thế giới.
- D. có tính lệ thuộc cao.

Câu 15: Trên lĩnh vực văn hóa, Hiến pháp 2013 khẳng định cùng với việc xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, chúng ta luôn chú trọng việc

- A. nhập khẩu các nền văn hóa thế giới.
- B. tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.
- C. du nhập và tôn thờ văn hóa bản địa
- D. duy trì văn hóa của các nước phát triển.

Câu 16: Trên lĩnh vực giáo dục, Hiến pháp 2013 khẳng định phát triển giáo dục là

- A. quốc sách hàng đầu.
- B. nhiệm vụ quan trọng.
- C. chính sách ưu tiên.
- D. nhiệm vụ thứ yếu

Câu 17: Theo quy định của pháp luật, nội dung nào dưới đây thể hiện vai trò quản lí xã hội bằng pháp luật của nhà nước?

- A. Đăng nhập công thông tin quốc gia.
- B. Tự do đăng ký kết hôn theo quy định.

- C. Chấn chỉnh việc kinh doanh trái phép. D. Ca ngợi phong trào phòng chống dịch.
- Câu 18:** Văn bản nào dưới đây thuộc văn bản Luật?
- A. Nghị quyết của thường vụ Quốc hội. B. Nghị định thư gia nhập tổ chức Quốc tế.
C. Nghị quyết của ủy ban nhân dân xã. D. Quyết định xử phạt của UBND tỉnh.
- Câu 19:** Văn bản nào dưới đây thuộc văn bản Luật?
- A. Luật. B. Điều lệ. C. Hiến chương. D. Công hàm.
- Câu 20:** Ủy ban nhân dân xã X cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho anh A và chị B là thực hiện pháp luật theo hình thức nào dưới đây?
- A. Áp dụng pháp luật. B. Phổ biến pháp luật.
C. Tuân thủ pháp luật. D. Giáo dục pháp luật
- Câu 21:** Công dân thi hành pháp luật khi
- A. che giấu người nhập cảnh trái phép. B. đề nghị thay đổi nơi bỏ phiếu.
C. nộp thuế đầy đủ theo quy định. D. từ chối khai báo tạm trú theo quy định.
- Câu 22:** Soạn thảo dự thảo Hiến pháp là bước mấy của quy trình làm và sửa đổi Hiến pháp?
- A. Bước 4. B. Bước 3. C. Bước 2. D. Bước 1.
- Câu 23:** Lấy ý kiến nhân dân về dự thảo Hiến pháp là bước mấy của quy trình làm và sửa đổi Hiến pháp?
- A. Bước 5. B. Bước 4. C. Bước 3. D. Bước 2.
- Câu 24:** Khi đề cập đến lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Hiến pháp 2013 **không** quy định nội dung nào dưới đây?
- A. Đất liền. B. Hải đảo. C. Vùng biển. D. Khu tự trị.
- Câu 25:** Nội dung nào sau đây **không** phải là đường lối đối ngoại của nước ta theo quy định của Hiến pháp?
- A. Hữu nghị, hợp tác và phát triển. B. Đa dạng hoá, đa phương hoá các quan hệ.
C. Chủ động và tích cực hội nhập. D. Can thiệp vào công việc nội bộ.
- Câu 26:** Theo quy định của Hiến pháp và pháp luật, nội dung nào dưới đây **không** thể hiện quyền bình đẳng của công dân trên lĩnh vực chính trị?
- A. Ứng cử vào Quốc hội. B. Khiếu nại với cơ quan nhà nước.
C. Tham gia quản lý nhà nước ở cơ sở. D. Tự do cư trú và đi lại trong nước.
- Câu 27:** Nội dung nào sau đây là quyền con người, quyền và nghĩa công dân về dân sự?
- A. Quyền được bảo đảm an sinh xã hội.
B. Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội.
C. Quyền kết hôn và ly hôn.
D. Quyền và nghĩa vụ bảo vệ môi trường.
- Câu 28:** Việc làm nào dưới đây thực hiện đúng mục tiêu của chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường ?
- A. Xây dựng khu bảo tồn thiên nhiên B. Dùng điện để đánh bắt thủy sản
C. Kinh doanh động vật hoang dã quý hiếm D. Sử dụng thuốc trừ sâu trong trồng trọt

II. TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1: (2 điểm)

Vì muốn tiết kiệm chi phí sản xuất, Công ty S chế biến thức ăn gia súc đã xả nước thải chưa qua xử lý vào dòng sông bên cạnh làm ô nhiễm dòng sông. Công ty S bị cảnh sát môi trường lập biên bản xử lý vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền và đình chỉ hoạt động đến khi khắc phục xong hậu quả.

Em hãy phân tích để làm rõ các hình thức thực hiện pháp luật được đề cập trong tình huống trên?

Câu 2: (1 điểm):

Điều 26 Hiến pháp năm 2013 khẳng định: Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới. Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội. Nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới.

Nội dung trên đề cập tới quyền cơ bản nào của con người và công dân được quy định trong Hiến pháp. Việc quy định như vậy có ý nghĩa như thế nào?

----- Hết -----